

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HS-ST
Ngày: 07.04.2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Bạ

2. Bà Phạm Thị Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2023/HSST ngày 02 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Hữu Đ, sinh năm 1997 tại An Giang; hộ khẩu thường trú: ấp Bình Yên, xã Bình T, huyện Châu P, tỉnh A; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phước M, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966. Bị cáo có 02 người con, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2022 cho đến nay. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1981; HKTT: Tổ 3, ấp Bình Yên, xã Bình T, huyện Châu P, tỉnh A; *có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1966; HKTT: ấp Bình Yên, xã Bình T, huyện Châu P, tỉnh A; *có mặt.*

Bà Phạm Thị C, sinh năm 1981; HKTT: ấp Bình Yên, xã Bình T, huyện Châu P, tỉnh A; *có mặt.*

- Người làm chứng: Đặng Văn T; *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết vì ở cùng cơ sở trọ tại địa chỉ 165/1, khu phố 1A, phường An P, thành phố A, tỉnh B và cũng là người cùng quê nên ngày 22/7/2022 bị cáo Trần Hữu Đ đã mượn xe mô tô hiệu Sirius biển số 67D1 – 488.52 của bà Huỳnh Thị T để đi mua đồ và phát hiện chìa khóa phòng trọ của bà T để cùng với chìa khóa xe. Bị cáo đã làm thêm một chiếc chìa khóa và cất giấu nhằm mục đích trộm cắp tài sản trong phòng bà T.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 23/07/2022, lợi dụng thời điểm gia đình bà T đi làm, không còn ai ở phòng trọ, bị cáo Đ đã lén lút dùng chìa khóa làm thêm trước đó mở ổ khóa cửa rồi đi vào và lục soát phòng trọ của bà Thảo để tìm tài sản trộm cắp thì phát hiện bên trong tủ quần áo có 01 xấp tiền mệnh giá 500.000đồng, bị cáo đã lấy trộm số tiền 25.000.000đồng, số tiền còn lại bị cáo để lại trong tủ tại vị trí ban đầu. Sau khi lấy tiền xong bị cáo đi ra ngoài và khóa cửa phòng lại như cũ. Bị cáo dùng số tiền trộm được để trả nợ cho bà Phạm Thị C số tiền 5.000.000đồng; cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 4.000.000đồng; số tiền còn lại bị cáo dùng chơi game và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 31/7/2022, bị cáo trả phòng trọ, chuyển đi sinh sống tại nơi khác và vứt bỏ chìa khóa phòng của bà T.

Đến ngày 10/08/2022, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định tiếp tục đột nhập vào phòng của bà T để trộm cắp tài sản. Do không còn chìa khóa nên bị cáo đã mua 02 thanh sắt bằng kim loại màu đen dài 40cm được bẻ 02 đầu hình còng cua mục đích để phá ổ khóa đột nhập vào phòng trọ của bà T. Trong lúc bị cáo đang lục soát, tìm kiếm tài sản thì bà T về đến phòng trọ bắt quả tang; trình báo Công an phường An P, thành phố A xử lý. Tại cơ quan công an, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án: Số tiền 9.000.000đồng (do bà C và bà H tự nguyện giao nộp); 02 (hai) thanh sắt bằng kim loại màu đen dài 40cm được bẻ hai đầu hình còng cua.

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKS-TA ngày 01/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh B đã truy tố bị cáo Trần Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Trần Hữu Đ từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

+ Đối với số tiền 9.000.000đồng thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bị hại bà Huỳnh Thị T nên Cơ quan điều tra đã lại cho bà T là có căn cứ.

+ Đối với 02 (hai) thanh sắt bằng kim loại màu đen dài 40cm được bẻ hai đầu hình còng cua, đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 16.000.000 đồng.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Trong các Bản tường trình; Biên bản hỏi cung bị can; Biên bản ghi lời khai. Bị cáo Trần Hữu Đ đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh B đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 23/07/2022, tại phòng trọ số 10 của cơ sở trọ địa chỉ: 165/1, khu phố 1A, phường An P, thành phố A, tỉnh B bị cáo Trần Hữu Đ đã có hành vi lén lút dùng chìa khoá đã làm trước đó đột nhập vào phòng trọ của bị hại Huỳnh Thị T để trộm cắp số tiền 25.000.000 đồng. Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại nơi bị cáo gây án. Bị cáo có khả năng lao động lẽ ra bị cáo phải tìm cho mình một nghề nghiệp ổn định, tích cực lao động để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, chăm lo cho gia đình nhưng vì tham lam, lười lao động mà bị cáo đã dần thân vào con đường phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình và có ý thức cải tạo, sửa đổi thành công dân tốt.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

[4.1] Đối với số tiền 9.000.000 đồng: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà Huỳnh Thị T nên Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại số tiền trên cho bà T là có căn cứ.

[4.2] Đối với 02 (hai) thanh sắt bằng kim loại màu đen dài 40cm được bẻ hai đầu hình còng cua: Đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Điều 48, Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) thanh sắt bằng kim loại màu đen dài 40cm được bẻ hai đầu hình còng cua.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2023 giữa Công an thành phố Thuận An với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương)

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Hữu Đ có trách nhiệm bồi thường cho bà Huỳnh Thị T số tiền 16.000.000^d (mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án;
- Bị cáo;
- Lưu:HS,THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hoài Phương

